

Bản án số: 47 /2019/ HNGĐ-ST

Ngày 20/9/2019

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thân Hồng Giang

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thành Đô và ông Dương Văn Thiết.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện L tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn DX, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn TV, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- **Bị đơn:** Anh Lê Đình S, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn DX, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 01/3/2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày: Năm 2015, chị kết hôn với anh Lê Đình S. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 29/5/2015. Trước khi cưới, vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh S chung sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Vợ chồng chị cắt đứt mọi quan hệ

tình cảm và sống ly thân từ ngày 10/9/2018 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình S.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung là Lê Đình T, sinh ngày 19/5/2016 và Lê Huyền Tr, sinh ngày 05/10/2017. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 2 con chung, nhưng do anh S cũng xin nuôi con nên chị đề nghị mỗi người nuôi một con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2019 và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Lê Đình S trình bày: Ngày 29/5/2015, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Ng. Trước khi kết hôn, anh chị được tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị Ng về nhà anh chung sống. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Đầu năm 2019, chị Ng bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị Ng, nhưng do chị Ng kiên quyết xin ly hôn nên anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị Ng trình bày. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ngọc vẫn giữ nguyên ý kiến như đã khai ở trên.

Phía anh S có mặt và trình bày: Do chị Ng kiên quyết xin ly hôn nên anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Ng.

Về con chung: Anh nhất trí với việc trình bày về con chung của chị Ng. Nay ly hôn, anh nuôi con lớn, chị Ng nuôi con nhỏ. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện VKS không có kiến nghị gì.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn anh Lê Đình S chấp hành không đầy đủ quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải ngày 26/7/2019 và phiên tòa xét xử lần 1 không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng.

+ Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của hai bên chị Nguyễn Thị Ng và anh Lê Đình S.

-Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của 2 bên: chị Ng trực tiếp nuôi con chung là Lê Huyền Tr, sinh ngày 05/10/2017, anh Lê Đình S trực tiếp nuôi con chung Lê Đình T, sinh ngày 19/5/2016. Cấp dưỡng nuôi con không giải quyết.

-Về án phí: Buộc chị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Khi khởi kiện tại Tòa án, chị Ng đã gửi cho anh Lê Đình S bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn anh Lê Đình S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ song anh S vắng mặt tại phiên giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/7/2019, phiên tòa lần 1 ngày 22/8/2019. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh S có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được đã xác định chị Nguyễn Thị Ng và anh Lê Đình S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, do đó quan hệ hôn nhân của chị Ng, anh S là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cho thấy, sau khi kết hôn chị Ng về nhà anh S chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm

sống nên cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Đến ngày 10/9/2018, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm. Nay, chị Ng xin ly hôn, anh S cũng đồng ý. Căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX thấy cần công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Ng và anh Lê Đình S.

[6] Về con chung: Chị Ng và anh S có hai con chung là Lê Đình T, sinh ngày 19/5/2016 và Lê Huyền Tr, sinh ngày 05/10/2017. Tại phiên tòa hôm nay, chị Ng vẫn giữ nguyên ý kiến muốn nuôi một con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh S cũng có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và xác minh tại địa phương cho thấy hiện cả hai con chung đều đang ở với chị Ng, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị Ng, anh S đều có nguyện vọng được nuôi con chung và đều có công việc, thu nhập đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tại phiên tòa, anh S đồng ý chấp nhận để chị Ng nuôi con nhỏ anh nuôi con lớn. Do vậy, HĐXX thấy cần công nhận sự thỏa thuận của 2 bên là phù hợp với pháp luật và thực tế. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ng, anh S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên đương sự đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ng và anh Lê Đình S.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Huyền Tr, sinh ngày 05/10/2017, anh Lê Đình S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Đình T, sinh ngày 19/5/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Ng, anh S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Ng, anh S thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của đương sự và quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Không có, không đề nghị giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Ng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0006980 ngày 06/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị Ng đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã T;
- Các đương sự, hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Thân Hồng Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

